TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày 03-01-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hoàng Hân.

Ông Lê Quang Đầy.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 239/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2022 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Chung Thị Đ, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp HT, xã HT, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp HT, xã HT, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Chung Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau vào năm 2008. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên uống rượu say xỉn về nhà kiến chuyện đánh đập chị rất nhiều lần, chính quyền địa phương có lập nhiều biên bản nhưng anh T không thay đổi, Chị đã cố gắng chịu đựng cho 02 con khôn lớn và năm 2018 chị cùng 02 con đi làm. Gia đình hai bên hàn gắn tình cảm rất nhiều lần nhưng anh chị không thể chung sống với nhau được. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn quá trầm trọng nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Bích T - sinh năm 1999 và Nguyễn Việt K - sinh năm 2001. Hiện 02 con đã trên 18 tuổi, đã có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu và nợ trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đ vắng mặt có văn bản xin vắng mặt; anh T đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải và phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Anh T và chị Đ tự nguyện kết hôn năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Tùng năm 2008, vào sổ số 81 Quyển số 01/2008 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Về mâu thuẫn thì chị Đ xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên uống rượu say xỉn về nhà kiến chuyện đánh đập chị rất nhiều lần dẫn đến vợ chồng ly thân từ năm 2018 cho đến nay không hàn gắn chung sống lại được. Đối với anh T đã biết việc chị Đ khởi kiện xin ly hôn nhưng anh không có ý kiến bác bỏ yêu cầu khởi kiện của chị Đ. Ngoài ra, anh T đã được Tòa án thông báo tham gia hòa giải và triệu tập để tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án, cho thấy anh T cũng không muốn hàn gắn và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ đặt ra. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và chung sống với nhau. Giữa chị Đ và anh T hiện không còn chung sống với nhau thời gian đã lâu, cả hai đều không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, có cơ sở cho rằng tình trạng mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là đúng quy định pháp luật.

[3] Về con chung. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Bích T, sinh năm 1999 và Nguyễn Việt K, sinh năm 2001. Hiện 02 con đã trên 18 tuổi, đã có gia đình riêng, có việc làm và thu nhập ổn định tự nuôi sống bản thân nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, không đặt ra xem xét là có cơ sở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung anh chị không đặt ra yêu cầu Tòa án giải

quyết nên không xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đ. Cho chị Chung Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình chị Đ phải chịu 300.000 đồng, chị đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0013757 ngày 13/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn nay được chuyển thu, chị Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- UBND xã Hiệp Tùng (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên